CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ-THƯƠNG MẠI LONG BIÊN

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ-THƯƠNG MẠI LONG BIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG BIÊN TRADING-INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108990112

3. Ngày thành lập: 15/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 93 C Trần Quang Diệu, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
2.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
3.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
4.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
6.	Tái chế phế liệu	*3830*
7.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
8.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
9.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
10.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
11.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
12.	Xây dựng công trình điện	*4221*
13.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
14.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
15.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
16.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
17.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
18.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
20.	Phá dỡ	*4311*
21.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
22.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*

23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
25.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Trừ đấu giá	*4610*
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Trừ những loại nhà nước cấm	*4620*
29.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
30.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
31.	Bán buôn đồ uống	*4633*
32.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
34.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
38.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ kinh doanh vàng miếng	*4662*
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
40.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
41.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
43.	Vận tải hành khách đường bộ khác Điều 4,5,6,7,8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	*4932*
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Không kinh doanh bất động sản	*5210*
46.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5225*
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: trừ hoạt động hàng không	*5229*

49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
50.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường	*5610*
52.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
53.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
54.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
55.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	*6619*
56.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn, môi giới	*6820*
57.	Hoạt động tư vấn quản lý	*7020(Chính)*
58.	Quảng cáo	*7310*
59.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
60.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
61.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*
62.	Cho thuê băng, đĩa video	*7722*
63.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
64.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
65.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	*7740*
66.	Đại lý du lịch	*7911*
67.	Điều hành tua du lịch	*7912*
68.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Trừ karaoke, Bar...	*7990*
69.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	*8010*
70.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	*8020*
71.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
73.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
75.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
76.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
77.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	*8220*
78.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Trừ họp báo	*8230*

79.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	*8299*
81.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động báo chí)	*9000*
82.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	*9311*
83.	Hoạt động thể thao khác	*9319*
84.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	*9321*
85.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	*9329*
86.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	*9411*
87.	Hoạt động của các hội nghề nghiệp	*9412*
88.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	*9610*
89.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
90.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	*9631*
91.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	*9632*
92.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	*9633*
93.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	*9639*
94.	Sản xuất chè	*1076*
95.	Sản xuất cà phê	*1077*
96.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
97.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
98.	In ấn Chi tiết: trừ rập khuôn tem	*1811*
99.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
100.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
101.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
102.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH SƠN	Số 12/208 đường Thái Bình, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	3.000.000.000	15,000	036078002950	
2	CHU THỊ BIÊN	Số 255 tổ 82 đường Đông Các, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	15,000	036179000129	
3	NGUYỄN TUẤN LONG	Số 255 tổ 82 đường Đông Các, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	14.000.000.000	70,000	036076001291	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN TUẤN LONG Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *16/07/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *036076001291*
Ngày cấp: *01/02/2018* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 255 tổ 82 đường Đông Các, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 60 ngõ 133 đường Thái Hà , Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội